

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN  
KHOA VIỆT NAM HỌC

**QUY TRÌNH  
XÂY DỰNG, RÀ SOÁT, ĐIỀU CHỈNH  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**

Mã số quy trình: QT.VNH-01

Lần ban hành: 03

Ngày ban hành: 05/8/2024

Số trang: 07

|                       | SOẠN THẢO                                                                           | PHÊ DUYỆT                                                                            |
|-----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|
| Chức vụ/<br>Chức danh | CHUYÊN VIÊN                                                                         | TRƯỞNG KHOA                                                                          |
| Chữ ký                |  |  |
| Họ và tên             | ThS. Nguyễn Văn Thành                                                               | PGS.TS. Huỳnh Ngọc Thu                                                               |

## BẢNG THEO DÕI SỬA ĐỔI QUY TRÌNH

| STT | Ngày sửa đổi | Nội dung thay đổi                                                                                                                                                                                                               | Trang  | Mục       | Phê duyệt   | Ngày hiệu lực |
|-----|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|-----------|-------------|---------------|
| 1   | 12/05/2017   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bổ sung từ “xây dựng” vào tên Quy trình</li> <li>- Bổ sung một số nội dung về Mục đích, yêu cầu</li> <li>- Bổ sung, điều chỉnh một số nội dung các bước thực hiện Quy trình</li> </ul> |        |           | Hiệu trưởng | 13/05/2017    |
| 2   | 05/08/2024   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chính sửa theo biểu mẫu mới</li> <li>- Bổ sung thêm các mục “Tài liệu viện dẫn”, “Định nghĩa/ Thuật ngữ/Chữ viết tắt”, “Danh mục biểu mẫu”, “Hồ sơ lưu trữ”</li> </ul>                 | 4<br>7 | 3, 4<br>7 | Trưởng Khoa | 05/08/2024    |
|     |              |                                                                                                                                                                                                                                 |        |           |             |               |
|     |              |                                                                                                                                                                                                                                 |        |           |             |               |
|     |              |                                                                                                                                                                                                                                 |        |           |             |               |
|     |              |                                                                                                                                                                                                                                 |        |           |             |               |

|                                                                                   |                                                                             |                           |
|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------|
|  | <b>QUY TRÌNH<br/>XÂY DỰNG, RÀ SOÁT, ĐIỀU CHỈNH<br/>CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO</b> | Mã số: QT.VNH-01          |
|                                                                                   |                                                                             | Lần ban hành: 03          |
|                                                                                   |                                                                             | Ngày ban hành: 05/08/2024 |

## **1. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU CỦA VIỆC THỰC HIỆN QUY TRÌNH XÂY DỰNG, RÀ SOÁT, ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (CTĐT)**

- Quy trình này nhằm mục đích đảm bảo quá trình xây dựng, rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo bậc đại học tại Khoa được thực hiện đúng quy định pháp luật của Nhà nước cũng như các quy chế, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh và của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn về công tác giáo dục đào tạo.

- Thực hiện Quy trình nhằm điều chỉnh cơ cấu, nội dung chương trình tương thích với những mục tiêu, các chuẩn đầu ra được xác định rõ ràng của CTĐT để cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu thực tiễn xã hội, của nhà tuyển dụng về nguồn nhân lực có chất lượng cao trong từng giai đoạn nhất định.

- Thực hiện Quy trình nhằm đảm bảo nguyên tắc chung là việc xây dựng, rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo bậc đại học của Khoa có sự tham gia ý kiến của các bên liên quan, được thể hiện bằng văn bản, được thông qua tại cuộc họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Khoa, gửi về Phòng Quản lý Đào tạo xem xét thông qua, được Hiệu trưởng ký xét duyệt trước khi triển khai thực hiện.

- Yêu cầu của việc thực hiện Quy trình này là khi xây dựng CTĐT đảm bảo chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục – Đào tạo và Đại học Quốc gia TP HCM quy định, CTĐT thể hiện rõ những nội dung về trình độ đào tạo; đối tượng đào tạo, điều kiện nhập học và điều kiện tốt nghiệp; mục tiêu đào tạo, chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học khi tốt nghiệp; khối lượng kiến thức lý thuyết, thực hành, thực tập; kế hoạch đào tạo theo thời gian thiết kế; phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập; các điều kiện thực hiện chương trình.

- Việc xây dựng, rà soát, điều chỉnh CTĐT yêu cầu theo đúng các Quy chế đào tạo đại học do Bộ Giáo dục-Đào tạo, Đại học Quốc gia TP HCM hoặc Trường Đại học KHXH&NV ban hành. CTĐT bậc đại học được cấu trúc từ các học phần thuộc hai khối kiến thức Giáo dục đại cương và Giáo dục chuyên nghiệp. Trong mỗi khối kiến thức này đảm bảo bao gồm đủ cả các môn bắt buộc và các mô tự chọn theo quy định.

- CTĐT được xây dựng, cập nhật theo hướng tiếp cận các tiêu chuẩn CDIO: Conceive-Design-Implement-Operate, hướng đến đáp ứng các yêu cầu về đánh giá cấp CTĐT theo các tiêu chuẩn của AUN-QA hoặc của FIBAA; đồng thời nhất quán với mục tiêu chung, tầm nhìn, sứ mệnh và triết lý giáo dục chung của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh và phù hợp với điều kiện vận hành thực tế tại Khoa.

**2. PHẠM VI ÁP DỤNG:** Quy trình này được áp dụng tại Khoa Việt Nam học và các đơn vị, phòng ban, cá nhân có liên quan trong việc xây dựng, điều chỉnh, ban hành chương trình đào tạo bậc đại học tại Khoa Việt Nam học.

### 3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Quy trình này được xây dựng căn cứ vào những văn bản quy định sau.

- Quyết định số 1981/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc *Phê duyệt Khung cơ cấu của hệ thống giáo dục quốc dân*.
- *Luật Giáo dục* số 43/2019/QH14.
- *Luật Giáo dục đại học* số 08/2012/QH13 ngày 18/06/2012; *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học* số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018.
- *Quy chế đào tạo trình độ đại học* được ban hành kèm theo Thông tư số 08/2021/TT-BGD-ĐT ngày 18/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- *Quy chế đào tạo trình độ đại học* được ban hành kèm theo Quyết định số 1342/QĐ-ĐHQG ngày 30/09/2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia TP HCM.
- *Quy chế đào tạo trình độ đại học* được ban hành kèm theo Quyết định số 306/QĐ-XHNV-ĐT ngày 30/06/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học KHXH và NV, ĐHQG-HCM.
- “Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ”, ban hành kèm theo Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- “Guide to AUN-QA Assessment at Programme Level”. Version 3 (tham khảo các mục 2.1. Expected Learning Outcomes, 2.2. Programm Specification, 2.3. Programme and Learning Approach, tr. 16-24), do ASEAN University Network xuất bản tháng 10/2015.
- Mẫu Chương trình giáo dục đại học (của Đại học Quốc gia TP HCM).
- Mẫu Đề cương chi tiết môn học (của Trường Đại học KHXH&NV).

### 4. ĐỊNH NGHĨA/THUẬT NGỮ/CHỮ VIẾT TẮT

#### 4.1. Định nghĩa

#### 4.2. Thuật ngữ

#### 4.3. Chữ viết tắt

- CTĐT: Chương trình đào tạo
- DCCT: Đề cương chi tiết
- HDKHĐT: Hội đồng Khoa học và Đào tạo
- ĐBCL: Đảm bảo chất lượng
- XH: xã hội
- NTD: Nhà tuyển dụng

## 5. NỘI DUNG QUY TRÌNH:

### 5.1. Lưu đồ Quy trình

| Bước | Trách nhiệm                                                   | Tiến trình                                                                                                                               | Tài liệu/Biểu mẫu                                                              |
|------|---------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|
| 1    | Ban Chủ nhiệm Khoa                                            | Thành lập Ban soạn thảo/rà soát/điều chỉnh CTĐT                                                                                          | Văn bản phân công, danh sách thành viên Ban soạn thảo                          |
| 2    | Ban soạn thảo CTĐT, HĐKHĐT Khoa, Tổ ĐBCL Khoa                 | Dự kiến mục tiêu, CĐR mới hoặc điều chỉnh của CTĐT; xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức CTĐT đảm bảo mục tiêu và CĐR của CTĐT        | Biên bản họp HĐKHĐT Khoa về dự thảo Mục tiêu và CĐR, cấu trúc, khối lượng CTĐT |
| 3    | Ban soạn thảo CTĐT; Tổ ĐBCL Khoa                              | Đối chiếu, so sánh với CTĐT cùng ngành, cùng trình độ của các cơ sở đào tạo khác trong nước, nước ngoài để hoàn thiện dự thảo lần 1 CTĐT | Bản dự thảo lần 1 CTĐT được hoàn thiện                                         |
| 4    | Các Chủ nhiệm Bộ môn; các GV được phân công phụ trách môn học | Thiết kế đề cương chi tiết môn học theo CTĐT đã xác định                                                                                 | Mẫu Đề cương chi tiết môn học                                                  |
| 5    | - Ban soạn thảo CTĐT; Tổ ĐBCL<br>- GV, cựu SV/HV, NTD...      | Tổ chức hội thảo lấy ý kiến các bên liên quan về CTĐT (GV, cựu SV/HV, NTD...)                                                            | Văn bản tiếp thu ý kiến các bên liên quan                                      |
| 6    | Ban Soạn thảo CTĐT                                            | Hoàn thiện CTĐT                                                                                                                          | Bản thảo CTĐT hoàn thiện                                                       |
| 7    | Phòng QLĐT                                                    | Phòng QLĐT xem xét                                                                                                                       | Ý kiến Phòng QLĐT                                                              |
| 8    | Phòng QLĐT, Hiệu trưởng                                       | Hiệu trưởng ký phê duyệt                                                                                                                 | Cuốn CTĐT đã được ký phê duyệt                                                 |

## 5.2. Diễn giải các bước thực hiện Quy trình:

| STT    | Nội dung thực hiện                                                                                                                                                               | Đơn vị/ Cá nhân chịu trách nhiệm                                                                         | Thời gian thực hiện                                                                                         | Hồ sơ liên quan                                                                                         |
|--------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Bước 1 | Thành lập Ban soạn thảo/rà soát/điều chỉnh CTĐT theo nhu cầu XH/các yêu cầu của cấp trên                                                                                         | - Ban Chủ nhiệm Khoa/ Hiệu trưởng<br>- Thành viên Ban soạn thảo gồm những người am hiểu về ngành đào tạo | Khi tiến hành rà soát, điều chỉnh theo định kỳ, theo nhu cầu của XH hoặc khi nhận được yêu cầu của cấp trên | Văn bản yêu cầu của cấp trên;<br>Quyết định về việc thành lập Ban soạn thảo /rà soát/điều chỉnh CTĐT    |
| Bước 2 | Dự kiến mục tiêu, chuẩn đầu ra mới hoặc điều chỉnh của CTĐT; xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết và dự kiến CTĐT đảm bảo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của CTĐT | Ban Chủ nhiệm Khoa, Ban soạn thảo CTĐT, Hội đồng KH&ĐT Khoa, Tổ ĐBCL Khoa                                | 01 tháng cho xây dựng mới hoặc 10 ngày cho điều chỉnh                                                       | Biên bản họp HĐKHĐT Khoa dự thảo Mục tiêu, CĐR, cấu trúc và khối lượng kiến thức CTĐT; Mẫu CTĐT đại học |
| Bước 3 | Đối chiếu, so sánh với CTĐT cùng trình độ, cùng ngành/ chuyên ngành của các cơ sở đào tạo khác trong nước, nước ngoài để hoàn thiện CTĐT                                         | Ban soạn thảo CTĐT; Tổ ĐBCL Khoa                                                                         | 01 tuần sau khi xây dựng xong dự thảo CTĐT                                                                  | Bản dự thảo lần 1 CTĐT được hoàn thiện                                                                  |
| Bước 4 | Thiết kế đề cương chi tiết môn học theo chương trình đào tạo đã xác định                                                                                                         | Các Chủ nhiệm Bộ môn; các GV được phân công phụ trách từng môn học                                       | GV được phân công và hoàn thành ĐCCT môn học 01 tuần kể từ ngày dự thảo CTĐT hoàn thiện                     | Bộ đề cương chi tiết các môn học của CTĐT                                                               |
| Bước 5 | Tổ chức hội thảo lấy ý kiến các bên liên quan về CTĐT                                                                                                                            | - Ban soạn thảo CTĐT; Tổ ĐBCL Khoa.<br>- GV, SV, cựu sinh viên/ học viên, NTD...                         | 02 tuần sau khi bản dự thảo CTĐT được hoàn thành                                                            | Văn bản tiếp thu những ý kiến đóng góp của các bên liên quan                                            |
| Bước 6 | Hoàn thiện dự thảo lần 2 chương trình đào tạo; trình Phòng QLĐT và Hiệu trưởng phê duyệt CTĐT                                                                                    | Ban Soạn thảo CTĐT                                                                                       | 01 tuần sau khi kết thúc Hội thảo                                                                           | Dự thảo lần 2 CTĐT                                                                                      |

|        |                   |                                                      |                                                         |                                                                                                                                 |
|--------|-------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Bước 7 | Xem xét CTĐT      | Phòng QLĐT                                           | 01 tuần kể từ khi Khoa nộp cuốn CTĐT hoàn thiện         | Ý kiến lãnh đạo Phòng QLĐT: trình Hiệu trưởng ký phê duyệt nếu đạt, hoặc yêu cầu Khoa tiếp tục bổ sung, hoàn thiện nếu chưa đạt |
| Bước 8 | Ký phê duyệt CTĐT | Phòng QLĐT trình, Hiệu trưởng ký phê duyệt thông qua | Sau khi Phòng QLĐT xem xét, có ý kiến đề xuất thông qua | Chương trình đào tạo chính thức                                                                                                 |

### 5.3. Quy định trách nhiệm phối hợp thực hiện Quy trình

- Ban Chủ nhiệm Khoa: Đề xuất thành viên Ban soạn thảo CTĐT
- Hội đồng KHĐT Khoa: Xác định cơ cấu, khối lượng, nội dung kiến thức CTĐT
- Phòng QLĐT: Xem xét, tham mưu giúp Hiệu trưởng ký phê duyệt CTĐT
- Chủ nhiệm Bộ môn và GV phụ trách môn học: Chịu trách nhiệm soạn thảo Đề cương chi tiết môn học theo quy định.
- Ban soạn thảo CTĐT: Chịu trách nhiệm xây dựng, hoàn thiện CTĐT theo quy định

## 6. DANH MỤC BIỂU MẪU

| STT | Tên tài liệu/Biểu mẫu/hướng dẫn                                     | Mã hóa         |
|-----|---------------------------------------------------------------------|----------------|
| 1   | Mẫu Chương trình đào tạo trình độ đại học                           | BM01-QT.VNH.01 |
| 2   | Mẫu Đề cương chi tiết môn học trình độ đại học                      | BM02-QT.VNH.01 |
| 3   | Mẫu Đề cương chi tiết môn học trình độ đại học theo định hướng CDIO | BM03-QT.VNH.01 |
| 3   | Mẫu Tờ trình đề xuất mở ngành đào tạo, chương trình đào tạo mới     | BM04-QT.VNH.01 |

## 7. HỒ SƠ LƯU TRỮ

| STT | Tên văn bản                                                                            | Thời gian lưu trữ | Bộ phận chịu trách nhiệm lưu trữ |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|----------------------------------|
| 1   | Chương trình đào tạo (đã được ký phê duyệt)                                            | Lâu dài           | Phụ trách giáo vụ Khoa           |
| 2   | Bộ Đề cương chi tiết môn học                                                           | Lâu dài           | Phụ trách giáo vụ Khoa           |
| 3   | Những quyết định, văn bản liên quan đến quá trình xây dựng, soạn thảo/ điều chỉnh CTĐT | Lâu dài           | Phụ trách giáo vụ Khoa           |

## PHỤ LỤC

**BM01-QT.VNH.01 - Mẫu chương trình đào tạo đại học**

---

### CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

*(Kèm theo Quy định mở ngành đào tạo được ban hành theo Quyết định số .../QĐ-ĐHQG  
ngày...tháng...năm... của Giám đốc ĐHQG-HCM)*

---

### CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

#### 1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:
  - + Tiếng Việt:
  - + Tiếng Anh:
- Mã ngành đào tạo: (lấy mã số từ Danh mục giáo dục, đào tạo của Nhà nước. Nếu ngành nào chưa có trong Danh mục thì ghi là ngành đào tạo thí điểm).
- Trình độ đào tạo:
- Loại hình đào tạo:
- Thời gian đào tạo:
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:
  - + Tiếng Việt: Cử nhân/Kỹ sư/Kiến trúc sư/Bác sĩ/Dược sĩ ...
  - + Tiếng Anh:
- Nơi đào tạo:

#### 2. Mục tiêu đào tạo

- a. Mục tiêu chung (xác định mục tiêu của CTĐT về: năng lực kiến thức, năng lực thực hành nghề nghiệp của người tốt nghiệp, ...) gọi là cấp độ 1-X
- b. Mục tiêu cụ thể (cụ thể hóa từ mục tiêu chung, gọi là cấp độ 2-X.x)

Sinh viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực:

1. Kiến thức và lập luận ngành
  - 1.1 ...
2. Kỹ năng và phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp
  - 2.1....
3. Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp
  - 3.1 ...
4. Năng lực thực hành nghề nghiệp
  - 4.1. ...

### 3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Cụ thể hóa từ mục tiêu cụ thể X.x)

| Stt   | Chuẩn đầu ra                                | Trình độ năng lực<br>(theo Thang trình độ<br>năng lực) |
|-------|---------------------------------------------|--------------------------------------------------------|
| 1.    | Kiến thức và lập luận ngành                 | 0.0->2.0: có biết/có nghe qua                          |
| 1.1   |                                             | 2.0->3.0: có hiểu biết/có thể tham gia                 |
| 1.1.1 |                                             | 3.0->3.5: có khả năng ứng dụng                         |
|       | ...                                         | 3.5->4.0: có khả năng phân tích                        |
| 2.    | Kỹ năng và phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp | 4.0->4.5: có khả năng tổng hợp                         |
| 2.1   |                                             | 4.5->5.0: có khả năng đánh giá                         |
| 2.1.1 |                                             |                                                        |
|       | ...                                         |                                                        |
| 3.    | Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp          |                                                        |
| 3.1   |                                             |                                                        |
| 3.1.1 |                                             |                                                        |
|       | ...                                         |                                                        |
| 4.    | Năng lực thực hành nghề nghiệp              |                                                        |
| 4.1   |                                             |                                                        |
| 4.1.1 |                                             |                                                        |
|       |                                             |                                                        |

4. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp (ghi rõ theo quy chế đào tạo nào, số quyết định, ngày ban hành)

5. Thang điểm (theo thang điểm chính thức của trường).

6. Khối lượng kiến thức toàn khoá

Tổng số tín chỉ: .... tín chỉ, trong đó phân bổ kiến thức như sau (không bao gồm giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng):

| TT  | Các khối kiến thức                      | Khối lượng |   |
|-----|-----------------------------------------|------------|---|
|     |                                         | Số tín chỉ | % |
| I   | Khối kiến thức giáo dục đại cương       |            |   |
| II  | Khối kiến thức cơ sở ngành              |            |   |
| III | Kiến thức chuyên ngành                  |            |   |
| IV  | Kiến thức bổ trợ                        |            |   |
| V   | Thực tập, khóa luận/luận văn tốt nghiệp |            |   |
|     | Tổng cộng                               |            |   |

## 7. Nội dung chương trình đào tạo

| 7. Nội dung chương trình đào tạo |                                         |                                                             |           |                               |           |           |                      |                  |
|----------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-----------|-------------------------------|-----------|-----------|----------------------|------------------|
| Stt                              | Mã MH                                   | Tên môn học (MH)                                            |           | Loại MH<br>(bắt buộc/tự chọn) | Tín chỉ   |           |                      | Phòng TN<br>(**) |
|                                  |                                         | Tiếng việt                                                  | Tiếng Anh |                               | Tổng cộng | Lý thuyết | Thực hành/Thí nghiệm |                  |
| I                                | Kiến thức giáo dục đại cương            |                                                             |           |                               |           |           |                      |                  |
|                                  |                                         | Lý luận chính trị                                           |           |                               |           |           |                      |                  |
|                                  |                                         | Khoa học xã hội - Nhân văn - Nghệ thuật                     |           |                               |           |           |                      |                  |
|                                  |                                         | Ngoại ngữ                                                   |           |                               |           |           |                      |                  |
|                                  |                                         | Toán - Tin học - Khoa học tự nhiên - Công nghệ - Môi trường |           |                               |           |           |                      |                  |
|                                  |                                         | Kinh tế - Quản lý                                           |           |                               |           |           |                      |                  |
| II                               | Kiến thức cơ sở ngành                   |                                                             |           |                               |           |           |                      |                  |
| III                              | Kiến thức chuyên ngành                  |                                                             |           |                               |           |           |                      |                  |
| IV                               | Kiến thức bổ trợ                        |                                                             |           |                               |           |           |                      |                  |
| V                                | Thực tập, khóa luận/luận văn tốt nghiệp |                                                             |           |                               |           |           |                      |                  |
|                                  | Tổng số (tín chỉ)                       |                                                             |           |                               |           |           |                      |                  |

### Ghi chú:

- (\*\*): Ghi tên PTN. Nếu sử dụng chung PTN do CSĐT khác quản lý phải ghi rõ tên CSĐT và đính kèm thỏa thuận cho phép sử dụng PTN.
- Số thứ tự của các môn học được đánh số tăng dần.

## 8. Khả năng liên thông với các chương trình đào tạo khác

## 9. Dự kiến kế hoạch giảng dạy (phân bố các môn học theo từng học kỳ)

| Học kỳ                         | Mã MH       | Tên MH     |               | Loại MH<br>(bắt buộc/tự chọn) | Tín chỉ   |           |                      | Phòng TN<br>(**) | Ghi chú |
|--------------------------------|-------------|------------|---------------|-------------------------------|-----------|-----------|----------------------|------------------|---------|
|                                |             | Tiếng việt | Tiếng Anh (*) |                               | Tổng cộng | Lý thuyết | Thực hành/Thí nghiệm |                  |         |
| <b>I<br/>(tổng số tín chỉ)</b> |             |            |               |                               |           |           |                      |                  |         |
|                                |             |            |               |                               |           |           |                      |                  |         |
|                                |             |            |               |                               |           |           |                      |                  |         |
|                                |             |            |               |                               |           |           |                      |                  |         |
|                                | <b>Tổng</b> |            |               |                               |           |           |                      |                  |         |

### Ghi chú:

- (\*): Đối với các chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh
- (\*\*): Ghi tên PTN.

**10. Ma trận các môn học và chuẩn đầu ra (kỹ năng)**

(Danh sách các môn học được hệ thống theo học kỳ và phân bổ giảng dạy các kỹ năng vào các môn học: mức độ giảng dạy I, T, U và trình độ năng lực yêu cầu với môn học theo trình độ năng lực)

| Học kỳ     | Tên môn học | Chuẩn đầu ra |     |       |     |       |     |
|------------|-------------|--------------|-----|-------|-----|-------|-----|
|            |             | 2.1          |     | 3.1   |     | 4.1   |     |
|            |             | 2.1.1        | ... | 3.1.1 | ... | 4.1.1 | ... |
| <b>I.</b>  |             |              |     |       |     |       |     |
|            |             |              |     |       |     |       |     |
| <b>II.</b> |             |              |     |       |     |       |     |
|            |             |              |     |       |     |       |     |

**11. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các môn học (số thứ tự của môn học tương ứng với số thứ tự của môn học trong nội dung chương trình đào tạo)**

**Tên môn học (tiếng Việt, tiếng Anh):**

- Số tín chỉ: (ghi rõ số tín chỉ lý thuyết và thực hành)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: (để học được môn học này người học phải hoàn thành các môn nào?)
- Mô tả nội dung môn học: Nêu được tóm tắt nội dung môn học, mục tiêu môn học đề ra

\*\*\*

**HIỆU TRƯỞNG**

(ký và ghi rõ họ tên)

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

*(Kèm theo Quy định mở ngành đào tạo được ban hành theo Quyết định số .../QĐ-ĐHQG ngày...tháng...năm... của Giám đốc ĐHQG-HCM)*

---

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC**

**1. Thông tin tổng quát**

- Tên môn học:
  - + Tiếng Việt:
  - + Tiếng Anh:
- Mã số môn học:
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:
  - ☐ Kiến thức cơ bản
  - ☐ Kiến thức chuyên ngành
  - ☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung
  - ☐ Kiến thức cơ sở ngành
  - ☐ Kiến thức khác
  - ☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp
- Số tín chỉ:
  - + Lý thuyết:
  - + Thực hành:
- Môn học tiên quyết/Môn học trước:
- Môn học song hành:

**2. Mô tả môn học**

*(vị trí của môn học đối với chương trình đào tạo (CTĐT), những mục đích và nội dung chính yếu của môn học)*

**3. Tài liệu học tập**

*(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)*

**Giáo trình:**

[1] Tên tác giả (năm xuất bản), *Tên giáo trình*. Nơi xuất bản: Tên nhà xuất bản

...

**Tài liệu khác:**

[1] Tên tác giả (năm xuất bản), *Tên giáo trình*. Nơi xuất bản: Tên nhà xuất bản

...

**Phần mềm:**

[..] Tên hãng phần mềm (năm phát hành/phiên bản). *Tên phần mềm*.

...

**4. Mục tiêu môn học**

*(các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TDNL) được phân bổ cho môn học)*

| Mục tiêu<br>(Gx) (1) | Mô tả mục tiêu<br>(2) | CDR của môn học<br>(X.x.x) (3) | TDNL<br>(4) |
|----------------------|-----------------------|--------------------------------|-------------|
| G1                   |                       | X.x.x                          |             |
|                      |                       | ...                            |             |
| G2                   |                       | X.x.x                          |             |
|                      |                       | ...                            |             |
| G3                   |                       | X.x.x                          |             |
|                      |                       | ...                            |             |
| ...                  |                       |                                |             |

- (1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát  
(3), (4): Ký hiệu CDR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học.

## 5. Chuẩn đầu ra môn học

(các mục cụ thể hay CDR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

| CDR<br>(X.x)<br>(1) | Mô tả CDR<br>(2) | Mức độ giảng dạy<br>(I, T, U)<br>(3) |
|---------------------|------------------|--------------------------------------|
| G1.1                |                  |                                      |
| ...                 |                  |                                      |
| G1.1                |                  |                                      |
| ...                 |                  |                                      |
| Gx.x                |                  |                                      |
| ...                 |                  |                                      |

(1): Ký hiệu CDR của môn học

(2): Mô tả CDR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu; T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

## 6. Đánh giá môn học

(các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học)

| Thành phần đánh giá<br>(1) | Bài đánh giá (Ax.x)<br>(2) | CDR môn học (G.x.x)<br>(3) | Tỷ lệ %<br>(4) |
|----------------------------|----------------------------|----------------------------|----------------|
| A1. Đánh giá quá trình     | A1.1                       |                            |                |
|                            | A1.2                       |                            |                |
|                            | ...                        |                            |                |
| A2. Đánh giá giữa kỳ       | A2.1                       |                            |                |
|                            | ...                        |                            |                |
|                            | A3.1                       |                            |                |
| A3. Đánh giá cuối kỳ       | ...                        |                            |                |

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CDR được đánh giá.

(4): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

## 7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của môn học)

Lý thuyết

| Tuần/Buổi học<br>(1) | Nội dung<br>(2)                         | CDR môn học<br>(3) | Hoạt động dạy và học<br>(4)                  | Bài đánh giá<br>(5) |
|----------------------|-----------------------------------------|--------------------|----------------------------------------------|---------------------|
| 1                    | Chương I:<br>1.1 ....<br>1.2 ...<br>... | Gx.x<br>...        | Dạy: ...<br>Học ở lớp: ...<br>Học ở nhà: ... | Ax.x<br>...         |
| ...                  |                                         |                    |                                              |                     |

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục

(3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

**Thực hành**

| Tuần/Buổi học<br>(1) | Nội dung<br>(2)         | CDR môn học<br>(3) | Hoạt động dạy và học<br>(4)                  | Bài đánh giá<br>(5) |
|----------------------|-------------------------|--------------------|----------------------------------------------|---------------------|
| ...                  | Bài thực hành 1:<br>... | Gx.x<br>...        | Dạy: ...<br>Học ở lớp: ...<br>Học ở nhà: ... | Ax.x<br>...         |
| ...                  |                         |                    |                                              |                     |

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung thực hành theo bài thực hành

(3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

**8. Quy định của môn học**

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ ...)

**9. Phụ trách môn học**

- Khoa/Bộ môn:
- Địa chỉ và email liên hệ:

...

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm...

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

(ký, ghi rõ họ tên)

**TRƯỞNG KHOA**

(ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐH KHXH&NV  
KHOA/BỘ MÔN.....

## **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC**

### **1. Thông tin chung về môn học:**

- Tên môn học:

tên tiếng Việt: .....

tên tiếng Anh/tiếng khác (nếu có): .....

- Mã môn học:

| Đại cương <input type="checkbox"/> |                                  | Chuyên nghiệp <input type="checkbox"/> |                                  |                                       |                                  |
|------------------------------------|----------------------------------|----------------------------------------|----------------------------------|---------------------------------------|----------------------------------|
| Bắt buộc <input type="checkbox"/>  | Tự chọn <input type="checkbox"/> | Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>   |                                  | Chuyên ngành <input type="checkbox"/> |                                  |
|                                    |                                  | Bắt buộc <input type="checkbox"/>      | Tự chọn <input type="checkbox"/> | Bắt buộc <input type="checkbox"/>     | Tự chọn <input type="checkbox"/> |

- Môn học thuộc khối kiến thức:

### **2. Số tín chỉ:**

### **3. Trình độ (dành cho sinh viên năm thứ 1,2...)**

### **4. Phân bố thời gian: ..... tiết (1 TC = 15 tiết lý thuyết hoặc 30 tiết thực hành)**

- Lý thuyết:.....tiết

- Thực hành:.....tiết

- Thảo luận/Thuyết trình nhóm: ..... tiết

- Các hoạt động khác: (bài tập, trò chơi, đồ vui, diễn kịch, xem phim, ...):.....tiết

- Tự học:.....tiết

### **5. Điều kiện tiên quyết:**

- Môn học tiên quyết: .....

- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng:.....

### **6. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:**

### **7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:**

- Mục tiêu: Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng/lý thuyết và thực hành về...(nêu tóm tắt)

- Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học: Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể: (có thể tham khảo thang đo các cấp độ của Bloom để sử dụng các động từ/danh từ chỉ khả năng, kỹ năng và thái độ cụ thể)

Ví dụ: Mô tả/trình bày được.....

Phân tích.....

Áp dụng .....

Đạt được kỹ năng.....

Có thái độ .....

| STT | Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học | Các hoạt động dạy và học                                      | Kiểm tra, đánh giá sinh viên                            |
|-----|------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|
|     | VD: Mô tả/trình bày được....             | GV thuyết trình<br>Thảo luận nhóm<br>SV thuyết trình<br>..... | Kỹ năng trình bày<br>Ý kiến hỏi đáp<br>Kiểm tra giữa kỳ |
|     |                                          |                                                               |                                                         |

## 8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:

\*Ghi chú:

- Bảng dưới đây áp dụng đối với các chương trình đào tạo tham gia đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn AUN-QA hoặc khuyến khích đối với các môn học chuyên ngành

- PLO viết tắt của thuật ngữ tiếng Anh “Program Learning Outcomes” (Kết quả học tập của chương trình đào tạo)

| STT | Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học | Các hoạt động dạy và học                                      | Kiểm tra, đánh giá sinh viên                            | Kết quả học tập của chương trình đào tạo (dự kiến) |         |         |
|-----|------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|---------|---------|
|     |                                          |                                                               |                                                         | Kiến thức                                          | Kỹ năng | Thái độ |
|     | VD: Mô tả/trình bày được ....            | GV thuyết trình<br>Thảo luận nhóm<br>SV thuyết trình<br>..... | Kỹ năng trình bày<br>Ý kiến hỏi đáp<br>Kiểm tra giữa kỳ | PLO1                                               | PLO2    | PLO3    |

## 9. Tài liệu phục vụ môn học:

- Tài liệu/giáo trình chính

- Tài liệu tham khảo/bổ sung

VD: Đào Duy Anh (1994), *Đất nước Việt Nam qua các đời*, Nxb Thuận Hoá, Huế.

- Trang Web/CDs tham khảo

#### 10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

| Thời điểm đánh giá                | Tiêu chí đánh giá/<br>Hình thức đánh giá                                                            | Phần trăm                             | Loại điểm    | % kết quả sau cùng |
|-----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|--------------|--------------------|
| VD: Sau mỗi tuần/tháng<br>Giữa kỳ | VD: - Chuyên cần<br>- Thuyết trình<br>- Bài tập<br>- Bài thu hoạch<br>- Kiểm tra giữa kỳ<br>- Khác: | ..... %<br>..... %<br>..... %<br>100% | Điểm giữa kỳ | 40%                |
| VD: Cuối kỳ                       | VD: - Báo cáo<br>- Thuyết trình<br>- Bài tập<br>- Bài thu hoạch<br>- Thi cuối kỳ/Tiểu luận          | ..... %<br>..... %<br>..... %<br>100% | Điểm cuối kỳ | 60%                |
|                                   |                                                                                                     |                                       |              | 100%<br>(10/10)    |

Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10

- Xếp loại đánh giá (GV tự xây dựng)
- Hướng dẫn hình thức, nội dung, thời lượng và tiêu chí chấm điểm (GV tự xây dựng)
- Hướng dẫn về rubrics chấm điểm (GV tự xây dựng tùy đặc thù môn học/ngành học)

#### 11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên

##### 11.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định
- Tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp, ...
- Tuyệt đối không được ...
- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi vào lớp...
- Sử dụng công nghệ/phần mềm/thực hành ...
- ....

##### 11.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ
- Nộp tiểu luận trễ trong vòng 1 tuần sẽ bị...
- Trường hợp đạo văn, không trích dẫn nguồn sẽ bị...
- ....

##### 11.3. Quy định về lịch tiếp SV ngoài giờ và liên hệ trợ giảng (nếu có)

\* .....

**12. Nội dung chi tiết môn học:** viết chi tiết tên chương, tiết, mục; chẳng hạn:

**Chương I:** .....

1.1.....

1.1.1.....

1.1.2.....

1.2.....

**Chương II:** .....

2.1 .....

2.2 .....

2.1.1.....

2.1.2.....

| Buổi/<br>Tuần | Số tiết<br>trên lớp | Nội dung bài<br>học | Hoạt động dạy và học<br>Hoặc Nhiệm vụ của SV                                                                     | Tài liệu cần đọc<br>(mô tả chi tiết) |
|---------------|---------------------|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|
| 1             |                     |                     | VD: - SV thuyết trình theo<br>nhóm<br>- SV thảo luận trong<br>nhóm<br>- SV đọc... trang....<br>- GV thuyết trình |                                      |
| 2             |                     |                     | - Sửa bài tập về nhà<br>- Seminar...                                                                             |                                      |

**13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:**

TP. Hồ Chí Minh, ngày... tháng...năm .....

Trưởng Khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

**\* Ghi chú tổng quát:**

Trường hợp đề cương môn học cần được phát cho sinh viên hoặc môn học chỉ có một GV tham gia giảng dạy thì có thể bổ sung ngay từ đầu phần sau đây (đưa lên phần đầu của đề cương):

**Giảng viên phụ trách môn học (có thể dùng bảng hoặc không)**

|                  |                     |
|------------------|---------------------|
| Họ và tên:       | Học hàm, học vị:    |
| Địa chỉ cơ quan: | Điện thoại liên hệ: |
| Email:           | Trang web:          |

**Giảng viên hỗ trợ môn học/trợ giảng (nếu có)**

|                               |                                                                     |
|-------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| Họ và tên:                    | Học hàm, học vị:                                                    |
| Địa chỉ cơ quan:              | Điện thoại liên hệ:                                                 |
| Email:                        | Trang web:                                                          |
| Cách liên lạc với giảng viên: | (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng) |
| Nơi tiến hành môn học:        | (Tên cơ sở, số phòng học)                                           |
| Thời gian học:                | (Học kỳ, Ngày học, tiết học)                                        |

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHXH VÀ NV**

**Đơn vị:.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ TRÌNH**

Về việc đề xuất mở ngành, chuyên ngành và chương trình đào tạo mới

**Tên ngành:**

**Mã ngành:**

**Chuyên ngành:**

**Trình độ:**

**Kính gửi: - Ban Giám hiệu**

**- Hội đồng Khoa học & Đào tạo Trường**

**1. Lý do mở ngành, chuyên ngành và chương trình đào tạo mới**

**2. Tóm tắt quá trình chuẩn bị mở ngành, chuyên ngành và chương trình đào tạo mới của đơn vị đề xuất**

**3. Đảm bảo các điều kiện mở ngành, chuyên ngành và chương trình đào tạo mới**

Đơn vị đào tạo kính trình Ban Giám hiệu và Hội đồng KH&ĐT Trường xem xét đề xuất mở ngành, chuyên ngành và chương trình đào tạo mới theo như nội dung trên.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- Lưu đơn vị đề xuất

**TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*